

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKCT 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng là bảo đảm không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Bên B nộp cho Bên A trong vòng 05 ngày làm việc sau khi hai bên ký hợp đồng. Nếu sau quá thời hạn nêu trên mà bên B chưa nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thì bên A sẽ tịch thu bảo lãnh dự thầu và có quyền chấm dứt, không thực hiện hợp đồng đối với bên B. - Thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng thì vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm một trong các thỏa thuận ghi trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
E-ĐKCT 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn

	thành bản giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng từ bên B.
E-ĐKCT 20.1	- Thời gian bảo hành công trình: 18 tháng kể từ ngày công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng - Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng.
E-ĐKCT 42.1	Sau khi Hợp đồng có hiệu lực Bên A tạm ứng cho Bên B số tiền tương đương với 20% giá trị Hợp đồng trước thuế (<i>không bao gồm giá trị dự phòng</i>) trong vòng 14 ngày kèm theo đầy đủ các chứng từ: + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: 05 bản gốc + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh tạm ứng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng (Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang phải có hiệu lực đến khi thu hồi hết tiền tạm ứng): 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành; + Chứng nhận bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu: 01 bộ gốc và 03 bộ sao của đơn vị phát hành. + Biên bản bàn giao mặt bằng - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản - Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng

	hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng nghiệm thu gói thầu đạt đến 80% giá trị hợp đồng.
E-ĐKCT 44.1	Phương thức thanh toán: - Thanh toán 90% giá trị khối lượng hoàn thành trước thuế và 100% thuế VAT trong vòng 14 ngày theo giai đoạn thanh toán trên cơ sở đơn giá hợp đồng và khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn thanh toán (bao gồm cả giá trị tạm ứng), sau khi bên B cung cấp đủ các tài liệu sau: + Công văn đề nghị thanh toán: 05 bản gốc. + Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc và 04 bản sao; + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Phụ lục 03a, 03c của Nghị định 99/2021-NĐ-CP ngày 11/11/2021: 06 bản gốc; + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành có đại diện bên A, B ký và đóng dấu: 06 bản gốc. + Các hồ sơ pháp lý liên quan - Thanh toán 10% còn lại như sau: + 5% giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện, bàn giao công trình đưa vào sử dụng, có hồ sơ quyết toán giá trị và Nhà thầu phát hành Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng + 5% còn lại được thanh toán cho Nhà thầu sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và hai bên thanh lý hợp đồng. - Thanh toán chi phí dự phòng (5%): Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng và thanh toán khi có phát sinh khối lượng, công việc thực tế được nghiệm thu và được Chủ đầu tư chấp thuận * Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
E-ĐKC 49.1	1. Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu: - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng. - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. - Phạt do thay đổi xuất xứ: nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hoá thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được

	chấp nhận, nhà thầu còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hoá xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng. 2. Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: - Phạt 2% giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 1% giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 10% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt. 3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng. 4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3. 5. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý. 6. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. 7. Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra. 35 8. Không quá 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng, bên B phải giao nộp đầy đủ hồ sơ quyết toán cho bên A và cử cán bộ chuyên môn giải quyết các vướng mắc trong quá trình thẩm tra hồ sơ quyết toán. Quá 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán
--	--

	sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm. Nếu quá 120 ngày kể từ ngày nghiệm thu đóng điện đưa công trình vào sử dụng bên B mới giao nộp hồ sơ quyết toán thì sẽ không được tham đấu thầu các gói thầu mới do Bên A quản lý
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu kỹ thuật, bên A sẽ tổ chức nghiệm thu bàn giao tổng thể công trình.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: 15 ngày sau khi ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình.